| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN C**<br>**TỈNH L** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 93/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24-8-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH L**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Võ Thu Xuân
*Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Bà Phạm Ngọc Mai;
2. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng;

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Lệ Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 340/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Bảo N, sinh năm 1998; Địa chỉ: Ấp Chánh, xã L1, huyện Bến Lức, tỉnh L.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Mười M, sinh năm: 1992; Địa chỉ: ấp C.N, xã L.H.Đ, huyện C, tỉnh L.

(*Bà N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông M vắng mặt không lý do)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bảo N cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Bà N và ông M tổ chức đám cưới vào tháng 7/2017. Hôn nhân của vợ chồng bà là tự tìm hiểu, có tìm hiểu nhau M thời gian. Vợ chồng bà có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L.H.Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 86/2017 ngày 14/8/2017. Sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc được M thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông M nghiện ma túy, không thể chăm lo cho đời sống vợ con. Ông M đã được đưa đi cai nghiện nhưng vẫn không cai được. Vợ chồng bà N đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Bà N sống bên nhà cha mẹ ruột của bà N ở xã L1, huyện Bến Lức, tỉnh L. Bà N nhận thấy không thể chung sống với ông M được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông M.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hoài P, sinh ngày 09/10/2017. Từ khi sống ly thân thì cháu P do bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn Mười M. Ông M không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của bà N và cũng không đến Tòa án giải quyết vụ án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: bà Huỳnh Thị Bảo N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn Mười M có nơi cư trú tại ấp C.N, xã L.H.Đ, huyện C, tỉnh L nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bà Huỳnh Thị Bảo N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt bà N, bị đơn ông Nguyễn Văn Mười M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn bà N và bị đơn ông M.

[2] Về hôn nhân: bà Huỳnh Thị Bảo N và ông Nguyễn Văn Mười M có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L.H.Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 86/2017 nên xác định hôn nhân của vợ chồng bà là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà N thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông M nghiện ma túy, không thể chăm lo cho đời sống vợ con. Ông M đã được đưa đi cai nghiện nhưng vẫn không cai được. Vợ chồng bà N đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông M. Còn về phía ông M, Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng cho ông M, nhưng ông M không đến Tòa án tham gia hòa giải, không trình bày ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà N, không đưa ra phương án đoàn tụ. Qua đó, có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà N và ông M không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông M.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hoài P, sinh ngày 09/10/2017, khi ly hôn, bà N có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu P. Hội đồng xét xử xét thấy theo lời trình bày của bà N, từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, cháu P do bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông M không có ý kiến gì về con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N, giao cho bà N nuôi dưỡng cháu P. Bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N trình bày không có, ông M không có ý kiến gì về nội dung này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bảo N về việc yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Mười M.

1. Về hôn nhân: bà Huỳnh Thị Bảo N được ly hôn với ông Nguyễn Văn Mười M.

2. Về nuôi con chung: Giao cho bà Huỳnh Thị Bảo N nuôi dưỡng người con chung tên Nguyễn Hoài P, sinh ngày 09/10/2017. Ông Nguyễn Văn Mười M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Bảo N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu số 0005695 ngày 28 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C sang án phí.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã L.H.Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(ĐÃ KÝ)**

**Nguyễn Võ Thu Xuân**